TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 24/2022/DS-ST
Ngày 11 tháng 5 năm 2022
V/v " *Tranh chấp hợp đồng tín dụng* "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông **Phạm Khắc Tường**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đặng Công Tâm**

2. Ông **Lê Truyền Bình**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà **Nguyễn Thị Anh Đào -** Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên toà: bà **Nguyễn Thị Ly Na**– Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu – 344A Lê Thanh Nghị, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 160/2021/TLST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2021 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2022/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2022 giữa:

* *Nguyên đơn*: **Ngân hàng T**.

Trụ sở chính: Tháp B, 194 Trần Quang K, quận H, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Hồ Thị T**. Chức vụ: Trưởng phòng khách hàng cá nhân – Ngân hàng T – chi nhánh Đ, địa chỉ: 90 Nguyễn Chí T, quận H, thành phố Đ. (có mặt)

* *Bị đơn:*

- Ông **Trần Văn M** – sinh năm 1977

Địa chỉ: K73/3 Trương Đ, phường M, quận S, thành phố Đ. (có mặt)

- Bà **Đoàn Thị Minh T** – sinh năm 1985

Địa chỉ: K73/3 Trương Đ, phường M, quận S, thành phố Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T là ông **Trần Văn M**

(theo Giấy ủy quyền số chứng thực 000337 ngày 05 tháng 5 năm 2022.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 11 năm 2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diên nguyên đơn trình bày:*

Ông Trần Văn M và bà Đoàn Thị Minh T vay vốn tại Ngân hàng T– chi nhánh Đ (gọi tắt B) theo Hợp đồng tín dụng số 01/2015/6813815/HĐTD ngày 07.7.2015 và văn bản sửa đổi sửa đổi bổ sung hợp đồng tín dụng số: 01.2016/6813815/HĐTD ngày 23.9.2016, thông tin cụ thể như sau:

+ Số tiền vay theo Hợp đồng tín dụng: 17.300.000.000đ (Mười bảy tỷ ba trăm triệu đồng).

+ Thời hạn vay: 180 tháng (thời gian ân hạn trả nợ gốc: 12 tháng) kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng (ngày 07.7.2015).

+ Mục đích vay vốn: Đóng mới tàu cá vỏ thép theo Nghị định 67/NĐ-CP của Chính phủ.

Để đảm bảo khoản vay trên, ông M bà T đã thế chấp tài sản là tàu đánh cá; Công dụng: khai thác thủy sản; Năm đóng tàu: 2016; Nơi đóng: Đà Nẵng; Số đăng ký: ĐNa-90777-TS; Mã thiết kế: LC-02-BNN (V04M.Dna); Cơ quan thiết kế: Công ty CPKT đóng tàu Việt Nam; chiều dài: 30.08m, chiều rộng:7,05m, chiều cao: 3,90m; Vật liệu vỏ: thép; Tổng dung tích 288,4; Tốc độ tự do: 11,5 (hải lí/h); Ký hiệu máy chính: Mitsubishi; số máy chính: 68985; Công suất máy chính (sức ngựa): 822; Nơi chế tạo máy chính: Nhật; Cảng đăng ký: Đà Nẵng; Cơ quan đăng kiểm: Trung tâm đăng kiểm tàu cá; Giấy tờ về quyền sở hữu: Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cấp tại Đà Nẵng ngày 25.5.2016; Cơ quan cấp: Chi cục thủy sản Tp Đà Nẵng. Số vào ĐKTCQG sổ: 110/2016 20.478.320.353đ theo hợp đồng thế chấp số 01/2016/6813815/HĐBĐ ngày 13 tháng 7 năm 2016.

Sau khi vay vốn ông Trần Văn M và bà Đoàn Thị Minh T đã trả được một phần nợ gốc là 1.554.000.000đ. Tuy nhiên, từ ngày 05.7.2017, ông M bà T đã không trả nợ đúng hạn, vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với B và sau đó khoản vay chuyển nợ xấu.

Tính đến ngày 10 tháng 5 năm 2022, ông M và bà T còn nợ Ngân hàng T tổng số tiền: 20.478.320.353đ. Trong đó:

Nợ gốc: 15.682.557.000đ (5.530.000.000đ nợ gốc quá hạn).

Nợ lãi: 4.795.763.353đ (gồm 4.519.699.091đ nợ lãi của nợ gốc trong hạn và 276.064.262đ lãi của nợ quá hạn).

Nay BIDV khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên buộc ông M, bà T trả số nợ trên. Nếu không trả thì đề nghị xử lý tài sản đảm bảo là tàu đánh cá; Công dụng: khai thác thủy sản; Năm đóng tàu: 2016; Nơi đóng: Đà Nẵng; Số đăng ký: ĐNa-90777-TS; Mã thiết kế: LC-02-BNN (V04M.Dna); Cơ quan thiết kế: Công ty CPKT đóng tàu Việt Nam; chiều dài: 30.08m, chiều rộng: 7,05m,

chiều cao: 3,90m; Vật liệu vỏ: thép; Tổng dung tích 288,4; Tốc độ tự do: 11,5 (hải lí/h); Ký hiệu máy chính: Mitsubishi; số máy chính: 68985; Công suất máy chính (sức ngựa): 822; Nơi chế tạo máy chính: Nhật; Cảng đăng ký: Đà Nẵng; Cơ quan đăng kiểm: Trung tâm đăng kiểm tàu cá; Giấy tờ về quyền sở hữu: Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cấp tại Đà Nẵng ngày 25.5.2016; Cơ quan cấp: Chi cục thủy sản Tp Đà Nẵng. Số vào ĐKTCQG số: 110/2016.

B yêu cầu được tiếp tục tính lãi kể từ ngày 11.5.2022 theo thoả thuận trong các Hợp đồng tín dụng cho đến ngày ông Trần Văn M và bà Đoàn Thị Minh T thanh toán đầy đủ dư nợ cho B.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Trần Văn M và bà Đoàn Thị Minh T trả tổng số tiền (tính đến ngày 10.5.2022) là: 20.478.320.353đ. Trong đó:

Nợ gốc: 15.682.557.000đ (5.530.000.000đ nợ gốc quá hạn).

Nợ lãi: 4.795.763.353đ (gồm 4.519.699.091đ nợ lãi của nợ gốc trong hạn và 276.064.262đ lãi của nợ quá hạn).

** Tại Đơn yêu cầu giải quyết việc thu hồi tàu cá đề ngày 24 tháng 12 năm 2021, đơn trình bày đề ngày 30 tháng 3 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn trình bày:*

Ông M thống nhất với nội dung trình bày của B về thời điểm ký kết, nội dung hợp đồng tín dụng, số tiền vay và tài sản thế chấp bảo đảm cho khoản vay, mục đích vay vốn là đóng mới tàu cá vỏ thép theo Nghị định 67/NĐ-CP của Chính phủ. Ông M và bà T tính thống nhất tính đến ngày 10 tháng 5 năm 2022 thì ông bà còn nợ Ngân hàng T tổng số tiền là 20.478.320.353đ như nguyên đơn trình bày do nay kinh tế khó khăn vợ chồng ông không đủ khả năng trả nợ cho B. Do đó đề nghị Tòa án tuyên xử phát mãi tài sản bảo đảm mà vợ chồng ông đã thế chấp để ngân hàng thu hồi nợ.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến cho rằng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Về nội dung, Kiểm sát viên đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của B về việc buộc ông Trần Văn M và bà Đoàn Thị Minh T trả số tiền nợ vay là 20.478.320.353đ. Hội đồng xét xử thấy rằng các chứng cứ mà B xuất trình như hợp đồng tín dụng số 01/2015/6813815/HĐTD ngày 07.7.2015, Giấy đề nghị và các bảng kê rút vốn cũng như sự thừa nhận của ông Trần Văn M và bà Đoàn Thị Minh T là có cơ sở để khẳng định yêu cầu khởi của B là có cơ sở.

[3] Xét yêu cầu của B về việc xử lý tài sản bảo đảm là: tàu đánh cá; Công dụng: khai thác thủy sản; Năm đóng tàu: 2016; Nơi đóng: Đà Nẵng; Số đăng ký: ĐNa-90777-TS; Mã thiết kế: LC-02-BNN (V04M.Dna); Cơ quan thiết kế: Công ty CPKT đóng tàu Việt Nam; chiều dài: 30.08m, chiều rộng: 7,05m, chiều cao: 3,90m; Vật liệu vỏ: thép; Tổng dung tích 288,4; Tốc độ tự do: 11,5 (hải lí/h); Ký hiệu máy chính: Mitsubishi; số máy chính: 68985; Công suất máy chính (sức ngựa): 822; Nơi chế tạo máy chính: Nhật; Cảng đăng ký: Đà Nẵng; Cơ quan đăng kiểm: Trung tâm đăng kiểm tàu cá; Giấy tờ về quyền sở hữu: Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cấp tại Đà Nẵng ngày 25.5.2016; Cơ quan cấp: Chi cục thủy sản Tp Đà Nẵng. Số vào ĐKTCQG sổ: 110/2016. Hội đồng xét xử thấy rằng, hợp đồng thế chấp số 01/2016/6813815/HĐBĐ ngày 13 tháng 7 năm 2016 có hình thức và nội dung phù hợp với các điều 317, 318, 319 Bộ luật dân sự nên có hiệu lực với các bên tham gia giao dịch. Do đó yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm khi ông M và bà T không trả được nợ của B là phù hợp với quy định tại điều 299 Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng khác:

- Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của B nên án phí dân sự sơ thẩm bị đơn là ông Trần Văn M và bà Đoàn Thị Minh T phải chịu là 128.478320đ.

- Hoàn trả cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 63.921.959đ theo biên lai thu số 0000563 ngày 13.12.2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000đ (Ba triệu đồng) ông Trần Văn M và bà Đoàn Thị Minh T phải chịu. Do B đã tạm ứng chi phí nên ông Trần Văn M và bà Đoàn Thị Minh T phải trả lại cho B số tiền 3.000.000đ.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 11, 229, 320, 323, 463 và 466 của Bộ luật dân sự;

- Áp dụng Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" của Ngân hàng T đối với ông Trần Văn M và bà Đoàn Thị Minh T.

Xử: Buộc ông Trần Văn M và bà Đoàn Thị Minh T phải trả cho Ngân hàng T số tiền nợ tính đến ngày 10 tháng 5 năm 2022 là 20.478.320.353đ (hai mươi tỉ bốn trăm bảy mươi tám triệu ba trăm hai mươi ngàn ba trăm năm mươi ba đồng). Trong đó có 15.682.557.000đ (mười lăm tỉ sáu trăm tám mươi hai triệu năm trăm năm mươi bảy triệu đồng) nợ gốc và 4.795.763.353đ (bốn tỉ bảy trăm chín mươi lăm triệu bảy trăm sáu mươi ba ngàn ba trăm năm mươi ba đồng) nợ lãi.

Lãi tiếp tục tính từ ngày 11 tháng 5 năm 2022 cho đến khi thanh toán xong hết nợ vay theo mức lãi suất được thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 01/2015/6813815/HĐTD ngày 07.7.2015.

Trong trường hợp ông Trần Văn M và bà Đoàn Thị Minh T không thanh toán được nợ thì tài sản thế chấp là tàu đánh cá; Công dụng: khai thác thủy sản; Năm đóng tàu: 2016; Nơi đóng: Đà Nẵng; Số đăng ký: ĐNa-90777-TS; Mã thiết kế: LC-02-BNN (V04M.Dna); Cơ quan thiết kế: Công ty CPKT đóng tàu Việt Nam; chiều dài: 30.08m, chiều rộng: 7,05m, chiều cao: 3,90m; Vật liệu vỏ: thép; Tổng dung tích 288,4; Tốc độ tự do: 11,5 (hải lí/h); Ký hiệu máy chính: Mitsubishi; số máy chính: 68985; Công suất máy chính (sức ngựa): 822; Nơi chế tạo máy chính: Nhật; Cảng đăng ký: Đà Nẵng; Cơ quan đăng kiểm: Trung tâm đăng kiểm tàu cá; Giấy tờ về quyền sở hữu: Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cấp tại Đà Nẵng ngày 25.5.2016; Cơ quan cấp: Chi cục thủy sản Tp Đà Nẵng. Số vào ĐKTCQG số: 110/2016 được xử lý theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

2. Về án phí và chi phí tố tụng khác:

Án phí dân sự sơ thẩm là 128.478.320đ (một trăm hai mươi tám triệu bốn trăm bảy mươi tám ngàn ba trăm hai mươi đồng) ông Trần Văn M và bà Đoàn Thị Minh T phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 63.921.959đ (sáu mươi ba triệu chín trăm hai mươi mốt ngàn chín trăm năm mươi chín đồng) theo biên lai thu số 0563 ngày 13 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000đ (ba triệu đồng) ông Trần Văn M và bà Đoàn Thị Minh T phải chịu. Do Ngân hàng T đã tạm ứng

chi phí nên ông Trần Văn M và bà Đoàn Thị Minh T phải trả lại cho Ngân hàng T số tiền 3.000.000đ.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TANDTP Đà Nẵng*
- *VKSNDQ. Hải Châu*
- *CCTHADSQ Hải Châu*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Khắc Tường

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân		Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
Lê Truyền Bình	**Đặng Công Tâm**	**Phạm Khắc Tường**